

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5746**/BKHT - QLQH
V/v hướng dẫn kỹ thuật về khung
cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh

Hà Nội, ngày **30** tháng **8** năm **2021**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong công tác thẩm định, và phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và việc xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; căn cứ quy định của pháp luật về quy hoạch, đo đạc bản đồ và các pháp luật khác có liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn kỹ thuật về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 như sau:

1. Về phạm vi hướng dẫn

a) Văn bản này hướng dẫn về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 với 03 (ba) thành phần chủ yếu, bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia;
- Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và lĩnh vực;
- Cơ sở dữ liệu hồ sơ (trong đó bao gồm cả cơ sở dữ liệu bản đồ).

Nội dung hướng dẫn tập trung vào các quy định về yêu cầu đối với cơ sở dữ liệu và cấu trúc của các loại cơ sở dữ liệu chuyên ngành, lĩnh vực trong cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh.

b) Văn bản này không hướng dẫn đối với những cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi, danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Nội dung, yêu cầu đối với khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh

a) Nội dung khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh:

- Đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia: Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia là cơ sở dữ liệu để làm nền cho cơ sở dữ liệu quy hoạch và thực hiện theo quy định của pháp luật về đo đạc, bản đồ; quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 của Luật Quy hoạch và theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại các văn bản: Thông tư số 15/2020/TT-BTNMT ngày 30/11/2020 quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000; Thông tư số 20/TT-BTNMT ngày 24/4/2014 quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000; Quyết định 3196/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2019 quy định hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia trong kiến trúc Chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số

HỎA TỐC

Đến trước.....ngày.....

LuatVietnam

6999/BTNMT-ĐDBĐVN ngày 07/12/2020 về quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

- Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và lĩnh vực: Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và lĩnh vực của quy hoạch tỉnh thực hiện theo chi tiết tại Phụ lục 1 văn bản này.

- Cơ sở dữ liệu hồ sơ, cơ sở dữ liệu bản đồ: Cơ sở dữ liệu hồ sơ, cơ sở dữ liệu bản đồ thực hiện theo chi tiết tại Phụ lục 2 văn bản này.

b) Yêu cầu đối với khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh:

- Yêu cầu về cơ sở toán học của dữ liệu: Cơ sở toán học của dữ liệu quy hoạch tỉnh phải được tham chiếu, xây dựng thống nhất trong cùng một hệ tọa độ, hệ quy chiếu quốc gia: Hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Elipsoid WGS-84; múi chiếu 6°, kinh tuyến trung ương 105° (múi 48) và 111° (múi 49). Hệ độ cao quốc gia Việt Nam (Hòn Dấu - Hải Phòng).

- Yêu cầu về cách đặt tên dữ liệu, lớp dữ liệu: Cách đặt tên dữ liệu, lớp dữ liệu thực hiện theo chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm văn bản này.

- Yêu cầu về dữ liệu không gian: Mỗi loại đối tượng được quy định bằng một kiểu hình học duy nhất, bao gồm kiểu điểm, đường, vùng trong danh mục cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh, lấy cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia làm nền, bao gồm:

+ Chuẩn hóa đối tượng dạng điểm (point) (Geo = GM_Point);

+ Chuẩn hóa đối tượng dạng đường (line, polyline) (Geo = GM_Curve);

+ Chuẩn hóa đối tượng dạng vùng (polygon) (Geo = GM_Surface).

- Yêu cầu về thông tin đầu vào của dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh, bao gồm:

+ Dữ liệu, thông tin có tính chất làm cơ sở pháp lý;

+ Dữ liệu, thông tin có tính chất làm cơ sở khoa học, gồm: Các dữ liệu nghiên cứu khoa học, dữ liệu điều tra cơ bản liên quan đến quy hoạch;

+ Dữ liệu, thông tin có tính chuyên ngành (phi không gian) trực tiếp phục vụ xây dựng các nội dung, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của quy hoạch tỉnh;

+ Dữ liệu, thông tin về không gian, gồm: Hệ thống các bản đồ và những thông tin có liên quan.

Các thông tin đầu vào của dữ liệu thành phần nêu trên được khai thác ở nhiều nguồn, với nhiều định dạng khác nhau (bản đồ/sơ đồ giấy, bản đồ số, ảnh viễn thám, ảnh máy bay, số liệu, bảng biểu, văn bản, số liệu khảo sát thực địa...) và được xử lý theo yêu cầu về kiến trúc thông tin theo quy định.

3. Sản phẩm đầu ra của khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh

Sản phẩm đầu ra của khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh là “Dữ liệu không

gian quy hoạch tỉnh được đóng gói theo định dạng File Geodatabase (*.gdb)”; dữ liệu thuộc tính quy hoạch tỉnh được đóng gói theo đơn vị hành chính cấp tỉnh lưu trữ theo định dạng XML; siêu dữ liệu quy hoạch tỉnh được lập theo cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh và đóng gói theo định dạng XML; Hồ sơ quét pháp lý quy hoạch tỉnh được đóng gói và giao nộp theo định dạng JPG, PDF; Bản đồ số quy hoạch tỉnh được đóng gói và giao nộp theo một trong các định dạng JPG, PDF, Geotiff.

Trong giai đoạn trước mắt, để phục vụ cho công tác thẩm định quy hoạch tỉnh (trong đó có cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh) và tích hợp vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, sản phẩm đầu ra của khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh được đóng gói, giao nộp về Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng hình thức chuyên file lưu trữ qua các hình thức như email, USB, CD. Sau khi Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch hoàn thiện sẽ phân cấp cho các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để cập nhật dữ liệu quy hoạch vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quy hoạch.

Văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư mang tính hướng dẫn, đặc biệt là để phục vụ cho công tác thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh nghiên cứu những nội dung hướng dẫn trên để xem xét, triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm không trái với các quy định pháp luật hiện hành. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung chưa rõ ràng đề nghị phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, xem xét, xử lý, hoàn thiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng; Công Thương; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Ngoại giao; Quốc phòng; Công an; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Tư pháp; Nội vụ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị trong Bộ: Viện CLPT; PC; KTCN; KTN; KTDV; QLCKKT; KHGDTN&MT; TTTH; LĐVHXH; KCHT&ĐT; KTĐP<.
- Lưu: VT, QLQH. Ngọc.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương



Phụ lục 1
KHUNG CẤU TRÚC CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC
TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH TỈNH

*(Kèm theo văn bản số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Ghi chú: Các dữ liệu dưới đây có thể được bổ sung tùy vào điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý tại mỗi địa phương.

I. MỤC LỤC KHUNG CẤU TRÚC CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH TỈNH

1. Kinh tế - xã hội

2. Xây dựng

- 2.1. Hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn
- 2.2. Tổ chức không gian và phân vùng chức năng
- 2.3. Tổ chức không gian vùng liên huyện, vùng huyện
- 2.4. Hệ thống cấp nước đô thị
- 2.5. Chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa
- 2.6. Vật liệu xây dựng
- 2.7. Tổng hợp dự án

3. Công Thương

- 3.1. Khu, cụm công nghiệp
- 3.2. Năng lượng
- 3.3. Thương mại
- 3.4. Tổng hợp dự án

4. Nông nghiệp

- 4.1. Lâm nghiệp
- 4.2. Trồng trọt
- 4.3. Chăn nuôi
- 4.4. Thủy sản
- 4.5. Công trình phòng chống thiên tai và thủy lợi
- 4.6. Quy hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- 4.7. Hệ thống cấp nước liên huyện
- 4.8. Tổng hợp dự án

5. Tài nguyên và môi trường

- 5.1. Tài nguyên nước
- 5.2. Địa chất và khoáng sản
- 5.3. Môi trường
- 5.4. Khí tượng thủy văn
- 5.5. Tài nguyên môi trường biển và hải đảo
- 5.6. Biến đổi khí hậu
- 5.7. Đất đai
- 5.8. Tổng hợp dự án

6. Văn hóa thể thao và du lịch

- 6.1. Văn hóa
- 6.2. Thể thao
- 6.3. Du lịch
- 6.4. Tổng hợp dự án

7. Giao thông vận tải

- 7.1. Hệ thống giao thông đường bộ
- 7.2. Hệ thống giao thông đường sắt
- 7.3. Hệ thống giao thông đường thủy
- 7.4. Hệ thống cảng hàng không
- 7.5. Hệ thống logistics
- 7.6. Tổng hợp dự án

8. Thông tin và truyền thông

- 8.1. Cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử
- 8.2. Hạ tầng thông tin và truyền thông
- 8.3. Tổng hợp dự án

9. Khoa học và công nghệ**10. Y tế****11. Giáo dục và đào tạo****12. Lao động, thương binh và xã hội**

- 12.1. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp
- 12.2. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

12.3. Hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng

12.4. Tổng hợp dự án

13. Quốc phòng và an ninh

13.1. Hệ thống cơ sở quốc phòng

13.2. Hệ thống cơ sở an ninh

13.3. Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

13.4. Tổng hợp dự án

14. Ngoại giao

II. MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ DANH MỤC DÙNG CHUNG

Quy cách nhập liệu một số thông tin dùng chung như sau:

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH	QUY CÁCH NHẬP	GIẢI THÍCH
1	Đơn vị chiều dài	m (met)	1.25	1.25m
2	Đơn vị diện tích	ha (hecta)	10.5	10.5ha
3	Thời gian	24 giờ	13:50	13 giờ 50 phút
4	Ngày/tháng/năm	Dương lịch	23/8/2021	Ngày 23 tháng 8 năm 2021
5	Số thập phân	Kí hiệu dấu "." ngăn cách số thập phân	99.99	

III. NỘI DUNG KHUNG CẤU TRÚC CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH TỈNH

1. Kinh tế - xã hội

STT	Tên bảng	Định dạng
1	Tỷ trọng GRDP (%) theo nhóm ngành	dbf
2	Cơ cấu kinh tế theo giai đoạn	dbf
3	Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế theo giá hiện hành	dbf
4	Biểu đồ kim ngạch xuất khẩu	dbf
5	Lực lượng lao động và cơ cấu lao động theo nhóm ngành	dbf
6	Cơ cấu sử dụng đất theo đối tượng quản lý đất	dbf
7	Cơ cấu sử dụng đất theo đối tượng sử dụng đất	dbf
8	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất	dbf
9	Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất	dbf
10	Chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo các ngành	dbf
11	Tổng sản phẩm và tốc độ tăng trưởng theo ngành	dbf
12	Cơ cấu phân bố dân tộc	dbf

13	Cơ cấu phân bố tôn giáo	dbf
14	Tổng hợp một số chỉ tiêu kinh tế xã hội khác...	dbf

Ghi chú: Các số liệu về kinh tế - xã hội không giới hạn, bao gồm cả số liệu về hiện trạng và quy hoạch

2. Xây dựng

2.1. Hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

a) Hiện trạng hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

Tên lớp đối tượng: HienTrangDoThiNongThon

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Tên	ten	CharacterString	250	No	Là tên đô thị, điểm dân cư nông thôn.
Cấp đô thị	capDoThi	CharacterString	250	No	Là cấp đô thị: Đặc biệt/ Loại I/ Loại II/ Loại III/ Loại IV/ Loại V
Dân số	danSo	Double		No	Là dân số của đô thị, điểm dân cư nông thôn.
Tính chất	tingChat	CharacterString	250	No	Là tính chất của đô thị, điểm dân cư nông thôn.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

Tên lớp đối tượng: QuyHoachDoThiNongThon

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	CharacterString	250	No	Là tên đô thị, điểm dân cư nông thôn quy hoạch.
Cấp đô thị	capDoThi	CharacterString	250	No	Là cấp đô thị quy hoạch: Đặc biệt/ Loại I/ Loại II/ Loại III/ Loại IV/ Loại V.
Dân số	danSo	Double		No	Là dân số quy hoạch của đô thị, điểm dân cư nông thôn.
Tính chất	tinhChat	CharacterString	250	No	Là tính chất của đô thị, điểm dân cư nông thôn quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giaiDoanQH	CharacterString	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

2.2. Tổ chức không gian và phân vùng chức năng

a) Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Tên lớp đối tượng: VungSanXuatNongNghiepTapTrung

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	CharacterString	250	No	Phân loại theo loại hình sản xuất: vùng sản xuất rau an toàn/vùng nuôi

					trồng thủy sản/vùng chăn nuôi tập trung.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Tên lớp đối tượng: KhuKinhTeKhuCumCongNghiep

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	CharacterString	250	No	Là tên khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích của khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Khu vực phát triển nghiên cứu đào tạo

Tên lớp đối tượng: KhuVucPhatTrienNCDT

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Khu vực phát triển thể dục thể thao

Tên lớp đối tượng: KhuVucPhatTrientDTT

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

đ) Khu vực phát triển bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Tên lớp đối tượng: KhuVucPhatTrienBaoTonDiTichDanhLam

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	CharacterString	250	No	Là tên của khu vực phát triển bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

e) Khu vực có vai trò động lực

Tên lớp đối tượng: KhuVucCoVaiTroDongLuc

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

g) Khu vực đặc biệt khó khăn

Tên lớp đối tượng: KhuVucDacBietKhoKhan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

2.3. Tổ chức không gian vùng liên huyện, vùng huyện

Quy hoạch không gian vùng liên huyện, vùng huyện

Tên lớp đối tượng: QuyHoachKhongGianVungHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mục đích	mucDich	Character-String	250	No	Là mục đích quy hoạch không gian vùng liên huyện, vùng huyện.
Diện tích (m ²)	DienTich	Double		No	Là diện tích quy hoạch không gian vùng liên

					huyện, vùng huyện (m ²).
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

2.4. Hệ thống cấp nước đô thị

a) Hiện trạng mạng lưới cấp nước đô thị

Tên lớp đối tượng: HienTrangCapNuocDoThi

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại mạng lưới cấp nước đô thị: Bạc I/Bạc II/Bạc III.
Chiều dài (mét)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của đường ống (mét).
Nguồn nước	nguồnNuoc	Character-String	250	No	Là nguồn nước của đường ống.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cấp nước đô thị

Tên lớp đối tượng: QuyHoachCapNuocDoThi

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại mạng lưới cấp nước đô thị quy hoạch: Bạc I/ Bạc II/ Bạc III.
Tên đường ống	tenDuongOng	Character-String	250	Yes	Là tên đường ống quy hoạch.
Chiều dài (mét)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của đường ống quy hoạch (mét).
Nguồn nước	nguồnNuoc	Character-String	250	No	Là nguồn nước của đường ống quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String		No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng nhà máy cấp nước đô thị

Tên lớp đối tượng: HienTrangNhaMayCapNuocDoThi

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Tên nhà máy	tenNhaMay	Character-String	250	No	Là tên nhà máy cấp nước đô thị.
Quy mô	quyMo	double		No	Là quy mô của nhà máy cấp nước đô thị.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	255	No	Địa điểm của nhà máy cấp nước đô thị.
Công suất	congSuat	Double		No	Công suất của nhà máy cấp nước đô thị.

Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất của nhà máy cấp nước đô thị.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch nhà máy cấp nước đô thị

Tên lớp đối tượng: QuyHoachNhaMayCapNuocDoThi

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Tên nhà máy	tenNhaMay	Character-String	250	No	Là tên nhà máy cấp nước đô thị quy hoạch.
Quy mô	quyMo	double		No	Là quy mô của nhà máy cấp nước đô thị quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Địa điểm của nhà máy cấp nước đô thị quy hoạch.
Công suất	congSuat	Double		No	Công suất của nhà máy cấp nước đô thị quy hoạch.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất của nhà máy cấp nước đô thị quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

2.5. Chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa

a) Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật

Tên lớp đối tượng: HienTrangChuanBiKyThuat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

Tên lớp đối tượng: QuyHoachChuanBiKyThuat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng mạng lưới thoát nước mưa

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiThoatNuocMua

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.

Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại mạng lưới thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa bên trong/Mạng lưới thoát nước mưa bên ngoài.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	No	Là tên tuyến thoát nước mưa.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô tuyến thoát nước mưa.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoithoatNuocMua

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại mạng lưới thoát nước mưa quy hoạch: Mạng lưới thoát nước mưa bên trong/Mạng lưới thoát nước mưa bên ngoài.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	No	Là tên tuyến thoát nước mưa quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô tuyến thoát nước mưa quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.

Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Pol- yline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.
-------------------	-----	------------------	--	--	-------------------------------------

2.6. Vật liệu xây dựng

a) Hiện trạng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng

Tên lớp đối tượng: HienTrangThamDoKhaiThacCheBienSuDungKSVLXD

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Tên	ten	Character- String	250	No	Là tên khoáng sản làm vật liệu xây dựng.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng

Tên lớp đối tượng: QuyHoachThamDoKhaiThacCheBienSuDungKSVLXD

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character- String	250	No	Là tên khoáng sản làm vật liệu xây dựng quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai- Do- anQuyHoach	Character- String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.

Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.
-------------------	-----	----------	--	--	-------------------------------------

2.7. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character- String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character- String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character- String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem- DuAn	Character- String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoi- HanDuAn	Character- String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai
Tình trạng triển khai	tinhTrang- TrienKhai	Character- String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

3. Công Thương

3.1. Khu, cụm công nghiệp

a) Hiện trạng khu công nghiệp

Tên lớp đối tượng: HienTrangKhuCongNghiep

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên dự án	tenDuAn	CharacterString	250	No	Là tên dự án khu công nghiệp.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích của khu công nghiệp (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	CharacterString	250	No	Là chủ quản lý khu công nghiệp.
Phân loại	phanLoai	CharacterString	250	No	Là phân loại dự án khu công nghiệp: Khu chế xuất/ Khu công nghiệp hỗ trợ/ Khu công nghiệp sinh thái.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư khu công nghiệp.
Địa điểm	diaDiem	CharacterString	250	No	Là địa điểm của khu công nghiệp.
Thời hạn	thoiHan	CharacterString	250	No	Là thời hạn của khu công nghiệp.
Tình trạng	tinhTrang	CharacterString	250	no	Là tình trạng của khu công nghiệp.
Ngành nghề	nganhNghe	CharacterString	250	No	Là ngành nghề hoạt động.

Tỷ lệ lấp đầy	tyLeLapDay	Double		No	Là tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch khu công nghiệp

Tên lớp đối tượng: QuyHoachKhuCongNghiep

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Tên dự án	tenDuAn	Character-String	250	No	Là tên dự án khu công nghiệp quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô của khu công nghiệp quy hoạch.
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý khu công nghiệp quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án khu công nghiệp quy hoạch: Khu chế xuất/ Khu công nghiệp hỗ trợ/ Khu công nghiệp sinh thái.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư khu công nghiệp quy hoạch.

Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm của khu công nghiệp quy hoạch.
Thời hạn	thoiHan	Character-String	250	No	Là thời hạn của khu công nghiệp quy hoạch.
Tình trạng	tinhTrang	Character-String	250	No	Là tình trạng của khu công nghiệp quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng cụm công nghiệp

Tên lớp đối tượng: HienTrangCumCongNghiep

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên dự án	tenDuAn	CharacterString	250	No	Là tên dự án cụm công nghiệp.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích của cụm công nghiệp (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	CharacterString	250	No	Là chủ quản lý cụm công nghiệp.
Phân loại	phanLoai	CharacterString	250	No	Là phân loại dự án cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp làng

					nghe/ Cụm công nghiệp khác.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư cụm công nghiệp.
Địa điểm	diaDiem	CharacterString	250	No	Là địa điểm của cụm công nghiệp.
Thời hạn	thoiHan	CharacterString	250	No	Là thời hạn của cụm công nghiệp.
Tình trạng	tinTrang	CharacterString	250	no	Là tình trạng của cụm công nghiệp.
Ngành nghề	nganhNghe	CharacterString	250	No	Là ngành nghề hoạt động.
Tỷ lệ lấp đầy	tyLeLapDay	Double		No	Là tỷ lệ lấp đầy cụm công nghiệp.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch cụm công nghiệp

Tên lớp đối tượng: QuyHoachCumCongNghiep

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Tên dự án	tenDuAn	Character-String	250	No	Là tên dự án cụm công nghiệp quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô của cụm công nghiệp quy hoạch.

Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý cụm công nghiệp quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án cụm công nghiệp quy hoạch: Cụm công nghiệp làng nghề/ Cụm công nghiệp khác.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư cụm công nghiệp quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm của cụm công nghiệp quy hoạch.
Thời hạn	thoiHan	Character-String	250	No	Là thời hạn của cụm công nghiệp quy hoạch.
Tình trạng	tinhTrang	Character-String	250	No	Là tình trạng của cụm công nghiệp quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

3.2. Năng lượng

a) Hiện trạng mạng lưới truyền tải điện

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiTruyenTaiDien

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	No	Là tên tuyến cấp điện.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tuyến cấp điện: Cao thế/Trung thế/Hạ thế.
Chiều dài (mét)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài tuyến cấp điện (mét).
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất tuyến cấp điện.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới truyền tải điện

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoiTruyenTaiDien

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	No	Là tên tuyến cấp điện quy hoạch
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tuyến cấp điện quy hoạch: Cao thế/Trung thế/Hạ thế.

Chiều dài (mét)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài tuyến cấp điện quy hoạch (mét).
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất tuyến cấp điện quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng nguồn cấp điện, trạm biến áp

Tên lớp đối tượng: HienTrangNguonCapDienTramBienAp

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên trạm	tenTram	Character-String	250	No	Là tên nguồn cấp điện, trạm biến áp.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại nguồn cấp điện, trạm biến áp: Cao áp/Trung áp/Hạ áp.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm nguồn cấp điện, trạm biến áp.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô nguồn cấp điện, trạm biến áp.
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất của nguồn cấp điện, trạm biến áp.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch nguồn cấp điện, trạm biến áp

Tên lớp đối tượng: QuyHoachNguonCapDienTramBienAp

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên trạm	tenTram	Character-String	250	No	Là tên nguồn cấp điện, trạm biến áp quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại nguồn cấp điện, trạm biến áp quy hoạch: Cao áp/Trung áp/Hạ áp.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm nguồn cấp điện, trạm biến áp quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô nguồn cấp điện, trạm biến áp quy hoạch.
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất của nguồn cấp điện, trạm biến áp quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

đ) Hiện trạng nguồn năng lượng tái tạo

Tên lớp đối tượng: HienTrangNguonNangLuongTaiTao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Tên nguồn	tenTram	Character-String	250	No	Là tên nguồn năng lượng tái tạo.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại nguồn năng lượng tái tạo: Mặt trời/Gió/Khác.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm nguồn năng lượng tái tạo.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô nguồn năng lượng tái tạo.
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất của nguồn năng lượng tái tạo.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

e) Quy hoạch nguồn năng lượng tái tạo

Tên lớp đối tượng: QuyHoachNguonNangLuongTaiTao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên trạm	tenTram	Character-String	250	No	Là tên nguồn năng lượng tái tạo quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại nguồn năng lượng tái tạo quy hoạch: Mặt trời/ Gió/ Khác.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	20	No	Là địa điểm nguồn năng lượng tái tạo quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô nguồn năng lượng tái tạo quy hoạch.
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất của nguồn năng lượng tái tạo quy hoạch.

Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

g) Hiện trạng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ

Tên lớp đối tượng: HienTrangThamDoKhaiThacCheBienSuDungQuangPhongXa

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên quặng phóng xạ.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

h) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ

Tên lớp đối tượng: QuyHoachThamDoKhaiThacCheBienSuDungQuangPhongXa

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên quặng phóng xạ quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

i) Hiện trạng hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu và khí đốt

Tên lớp đối tượng: HienTrangHaTangXangDauKhiDot

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu và khí đốt.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu và khí đốt.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

k) Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu và khí đốt

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHaTangDuTruCungUngXangDauKhiDot

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu và khí đốt quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu và khí đốt quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.

Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
----------------	-----	----------	--	--	---------------------------------

3.3. Thương mại

a) Hiện trạng hệ thống hạ tầng thương mại

Tên lớp đối tượng: HienTrangHaTangThuongMai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại hệ thống hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, TTTM, ...).
Tên công trình	tenCongTrinh	Character-String	250	yes	Là tên của cơ sở hạ tầng thương mại.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hạ tầng thương mại.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống hạ tầng thương mại

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHaTangThuongMai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại hệ thống hạ tầng thương mại (chợ,

					siêu thị, TTTM, ...).
Tên công trình	tenCongTrinh	Character-String	250	No	Là tên của cơ sở hạ tầng thương mại.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hạ tầng hạ tầng thương mại.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

3.4. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.

Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

4. Nông nghiệp

4.1. Lâm nghiệp

a) Hiện trạng ba loại rừng

Tên lớp đối tượng: HienTrangBaLoaiRung

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại của ba loại rừng: Phòng hộ/ Đặc dụng/ Sản xuất.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích của ba loại rừng (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch ba loại rừng

Tên lớp đối tượng: QuyHoachBaLoaiRung

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại của ba loại rừng quy hoạch: Phòng hộ/

					Đặc dụng/ Sản xuất.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích của ba loại rừng quy hoạch (m ²).
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

4.2. Trồng trọt

a) Hiện trạng phát triển trồng trọt

Tên lớp đối tượng: HienTrangPhatTrieTrongTrot

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại khu vực trồng trọt: Vườn cây đầu dòng/ Cây hàng năm.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích khu vực trồng trọt (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch phát triển trồng trọt

Tên lớp đối tượng: QuyHoachPhatTrieTrongTrot

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại khu vực trồng trọt quy hoạch: Vườn cây đầu dòng/ Cây hàng năm.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích khu vực trồng trọt quy hoạch (m ²).
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

4.3. Chăn nuôi

a) Hiện trạng khu vực chăn nuôi tập trung

Tên lớp đối tượng: HienTrangChanNuoiTapTrung

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại khu vực chăn nuôi tập trung: Cơ sở sản xuất giống vật nuôi/ Khai thác, phát triển nguồn gen giống vật nuôi.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô khu vực chăn nuôi tập trung.

Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.
----------------	-----	----------	--	--	----------------------------------

b) Quy hoạch khu vực chăn nuôi tập trung

Tên lớp đối tượng: QuyHoachChanNuoiTapTrung

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại khu vực chăn nuôi tập trung quy hoạch: Cơ sở sản xuất giống vật nuôi/ Khai thác, phát triển nguồn gen giống vật nuôi.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô khu vực chăn nuôi tập trung quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

4.4. Thủy sản

a) Hiện trạng khu vực nuôi trồng thủy sản

Tên lớp đối tượng: HienTrangNuoiTrongThuySan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại hình	loaiHinh	Character-String	250	No	Là loại hình khu vực nuôi trồng thủy sản: Lồng bè/ Ao/ Chấn sáo.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô khu vực nuôi trồng thủy sản.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch khu vực nuôi trồng thủy sản

Tên lớp đối tượng: QuyHoachNuoiTrongThuySan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Loại hình	loaiHinh	Character-String	250	No	Là loại hình khu vực nuôi trồng thủy sản quy hoạch: Lồng bè/ Ao/ Chấn sáo.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô khu vực nuôi trồng thủy sản quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Phân vùng bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản

Tên lớp đối tượng: PhanVungBVKTNguonLoiThuySan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại vùng bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: Vùng khơi/ Vùng lộng/ Vùng bờ.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Hiện trạng hệ thống cảng cá và phát triển các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Tên lớp đối tượng: HienTrangCangCaKhuNeoDauTranhTruBao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại hệ thống cảng cá, khu neo đậu: Cảng cá/ Khu neo đậu.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hệ thống cảng cá, khu neo đậu.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

đ) Quy hoạch hệ thống cảng cá và phát triển các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Tên lớp đối tượng: QuyHoachCangCaKhuNeoDauTranhTruBao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại hệ thống cảng cá, khu neo đậu quy hoạch: Cảng cá/ Khu neo đậu.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hệ thống cảng cá, khu neo đậu quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

4.5. Công trình phòng chống thiên tai và thủy lợi

a) Hiện trạng hệ thống công trình phòng chống thiên tai và thủy lợi

Tên lớp đối tượng: HienTrangCongTrinhPhongChongThienTaiVaThuyLoi

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại công trình phòng chống thiên tai và thủy lợi: công thủy lợi/ hồ chứa trạm bơm/ cầu máng/ cầu qua kênh/ đập dâng/ đập tràn.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô công trình phòng chống

					thiên tai và thủy lợi.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống công trình phòng chống thiên tai và thủy lợi

Tên lớp đối tượng: QuyHoachCongTrinhPhongChongThienTaiVaThuyLoi

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại công trình phòng chống thiên tai và thủy lợi quy hoạch: cống thủy lợi/ hồ chứa trạm bơm/ cầu máng/ cầu qua kênh/ đập dâng/ đập tràn.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô công trình phòng chống thiên tai và thủy lợi quy hoạch
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Hiện trạng hệ thống đê

Tên lớp đối tượng: HienTrangThongDe

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Loại đê	phanLoai	Character-String	250	No	Là loại đê: đê trung ương/ đê địa phương/ đê biển.
Tên	Ten	Character-String	250	Yes	Là tên đê.
Cấp đê	capDe	Character-String	250	No	Là cấp đê.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch hệ thống đê

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongDe

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại đê	phanLoai	Character-String	250	No	Là loại đê: đê trung ương/ đê địa phương/ đê biển.
Tên	Ten	Character-String	250	Yes	Là tên đê.
Cấp đê	capDe	Character-String	250	No	Là cấp đê.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch..
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Hiện trạng hệ thống kè

Tên lớp đối tượng: HienTrangThongKe

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại kè	phanLoai	Character-String	250	No	Là loại kè: kè mở hàn/ kè lát mái.
Tên	Ten	Character-String	250	Yes	Là tên kè.
Cấp đê	capDe	Character-String	250	No	Là cấp kè.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

e) Quy hoạch hệ thống kè

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongKe

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại kè	phanLoai	Character-String	250	No	Là loại kè: kè mở hàn/ kè lát mái.
Tên	Ten	Character-String	250	Yes	Là tên kè.
Cấp đê	capDe	Character-String	250	No	Là cấp kè.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

g) Hiện trạng hệ thống dẫn, chuyển nước

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongDanChuyenNuoc

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là loại hệ thống dẫn, chuyển nước.
Tên	Ten	Character-String	250	Yes	Là tên hệ thống dẫn, chuyển nước: Kênh, mương/ Đường ống.
Cấp	capDcnuoc	Character-String	250	No	Là cấp hệ thống dẫn, chuyển nước.
Lưu lượng	luuLuong	Double		No	Là lưu lượng của hệ thống dẫn, chuyển nước.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

h) Quy hoạch hệ thống dẫn, chuyển nước

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongDanChuyenNuoc

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là loại hệ thống dẫn, chuyển nước.
Tên	Ten	Character-String	250	Yes	Là tên hệ thống dẫn, chuyển nước:

					Kênh, mương/ Đường ống.
Cấp	capDcnuoc	Character-String	250	No	Là cấp hệ thống dẫn, chuyển nước.
Lưu lượng	luuLuong	Double		No	Là lưu lượng của hệ thống dẫn, chuyển nước.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyhoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

4.6. Quy hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Quy hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Tên lớp đối tượng: QuyHoachNongNghiepUngDungCNC

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Vùng)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại hình	loaiHinh	Character-String	250	No	Là loại hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: công nghệ sinh học/ Robot/ GPS/ Máy bay không người lái/ Ảnh vệ tinh.
Tên dự án	tenDuAn	Character-String	250	No	Là tên dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô dự án nông nghiệp ứng

					dụng công nghệ cao.
Nguồn	nguồn	Character-String	250	No	Là nguồn pháp lý của dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

4.7. Hệ thống cấp nước liên huyện

a) Hiện trạng mạng lưới cấp nước liên huyện

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiCapNuocLienHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại mạng lưới cấp nước liên huyện: Bạc I/ Bạc II/ Bạc III.
Chiều dài (mét)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của đường ống (mét).
Nguồn nước	nguồnNuoc	Character-String	250	No	Là nguồn nước của đường ống.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cấp nước liên huyện

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoiCapNuocLienHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại mạng lưới cấp nước liên huyện quy hoạch: Bậc I/ Bậc II/ Bậc III.
Tên đường ống	tenDuongOng	Character-String	250	No	Là tên đường ống quy hoạch quy hoạch.
Chiều dài (mét)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của đường ống quy hoạch (mét).
Nguồn nước	nguồnNuoc	Character-String	250	No	Là nguồn nước của đường ống quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng nhà máy cấp nước liên huyện

Tên lớp đối tượng: HienTrangNhaMayCapNuocLienHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên nhà máy	tenNhaMay	Character-String	250	No	Là tên nhà máy cấp nước liên huyện.
Quy mô	quyMo	double		No	Là quy mô của nhà máy cấp nước liên huyện.

Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Địa điểm của nhà máy cấp nước liên huyện.
Công suất	congSuat	Double		No	Công suất của nhà máy cấp nước liên huyện.
Tính chất	tingChat	Character-String	250	No	Là tính chất của nhà máy cấp nước liên huyện.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch nhà máy cấp nước liên huyện

Tên lớp đối tượng: QuyHoachNhaMayCapNuocLienHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên nhà máy	tenNhaMay	Character-String	250	No	Là tên nhà máy cấp nước liên huyện quy hoạch.
Quy mô	quyMo	double		No	Là quy mô của nhà máy cấp nước liên huyện quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Địa điểm của nhà máy cấp nước liên huyện quy hoạch.
Công suất	congSuat	Double		No	Công suất của nhà máy cấp nước liên huyện quy hoạch..
Tính chất	tingChat	Character-String	250	No	Là tính chất của nhà máy cấp nước liên huyện quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.

Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.
----------------	-----	----------	--	--	----------------------------------

4.8. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

5. Tài nguyên và môi trường

5.1. Tài nguyên nước

a) Hiện trạng tài nguyên nước

Tên lớp đối tượng: HienTrangTaiNguyenNuoc

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tài nguyên nước: sinh hoạt/ sản xuất nông nghiệp/ nuôi trồng thủy sản/ sản xuất điện/ sản xuất công nghiệp/ giao thông/ bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử, cải tạo môi trường/ Khai thác chế biến khoáng sản.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch tài nguyên nước

Tên lớp đối tượng: QuyHoachTaiNguyenNuoc

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tài nguyên nước quy hoạch: sinh hoạt/ sản xuất nông nghiệp/ nuôi trồng thủy sản/ sản xuất điện/ sản xuất công nghiệp/ giao thông/

					bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử, cải tạo môi trường/ Khai thác chế biến khoáng sản.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích quy hoạch (m ²).
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng nguồn nước

Tên lớp đối tượng: HienTrangTaiNguyenNuoc

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại nguồn nước (dưới đất, trên mặt).
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Tên	Ten	Character-String	250	Yes	Là tên nguồn nước.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

5.2. Địa chất và khoáng sản

a) Hiện trạng phân bố tài nguyên khoáng sản

Tên lớp đối tượng: HienTrangPhanBoTaiNguyenKhoangSan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tài nguyên khoáng sản.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch tài nguyên khoáng sản

Tên lớp đối tượng: QuyHoachTaiNguyenKhoangSan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tài nguyên khoáng sản quy hoạch.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích quy hoạch (m ²).
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất

Tên lớp đối tượng: QuyHoachDieuTraCoBanDiaChat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại điều tra cơ bản địa chất.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

5.3. Môi trường

a) Quy hoạch bảo vệ môi trường

Tên lớp đối tượng: QuyHoachBaoVeMoiTruong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Tên lớp đối tượng: QuyHoachBaoTonThienNhiemDaDangSinhHoc

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng khu xử lý chất thải rắn

Tên lớp đối tượng: HienTrangKhuXuLyChatThaiRan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại khu xử lý chất thải rắn: Khu xử lý CTR/ Trạm trung chuyển chất thải rắn/ CTR sinh hoạt/ CTR công nghiệp/ CTR y tế/ CTR phân bùn/ CTR xây dựng/ Điểm tập trung CTR.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô khu xử lý chất thải rắn.
Tên trạm	tenTram	Character-String	250	No	Là tên khu xử lý chất thải rắn.
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất khu xử lý chất thải rắn.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm khu xử lý chất thải rắn.
Công nghệ	congNghe	Character-String	250	No	Là công nghệ được sử dụng cho khu xử lý chất thải rắn.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn

Tên lớp đối tượng: QuyHoachKhuXuLyChatThaiRan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID			Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại khu xử lý chất thải rắn quy hoạch: Khu xử lý CTR/ Trạm trung chuyển chất thải rắn/ CTR sinh hoạt/ CTR công nghiệp/ CTR y tế/ CTR phân bùn/ CTR xây dựng/ Điểm tập trung CTR.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô khu xử lý chất thải rắn quy hoạch.
Tên trạm	tenTram	Character-String	250	No	Là tên khu xử lý chất thải rắn quy hoạch.
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất khu xử lý chất thải rắn quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm khu xử lý chất thải rắn quy hoạch.
Công nghệ	congNghe	Character-String	250	No	Là công nghệ được sử dụng cho khu xử lý chất thải rắn quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.

Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.
-------------------	-----	----------	--	--	-------------------------------------

d) Hiện trạng trạm xử lý nước thải

Tên lớp đối tượng: HienTrangTramXuLyNuocThai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Phân loại	phanLoai	Character- String	250	No	Là phân loại trạm xử lý nước thải: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt/ Trạm xử lý nước thải công nghiệp/ Trạm xử lý nước thải y tế/ Trạm xử lý nước thải tập trung .
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô trạm xử lý nước thải.
Tên trạm	tenTram	Character- String	250	No	Là tên trạm xử lý nước thải.
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất trạm xử lý nước thải.
Địa điểm	diaDiem	Character- String	250	No	Là địa điểm trạm xử lý nước thải.
Công nghệ	congNghe	Character- String	250	No	Là công nghệ được sử dụng cho trạm xử lý nước thải.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

e) Quy hoạch trạm xử lý nước thải

Tên lớp đối tượng: QuyHoachTramXuLyNuocThai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại trạm xử lý nước thải quy hoạch: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt/ Trạm xử lý nước thải công nghiệp/ Trạm xử lý nước thải y tế/ Trạm xử lý nước thải tập trung.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô trạm xử lý nước thải quy hoạch.
Tên trạm	tenTram	Character-String	250	No	Là tên trạm xử lý nước thải quy hoạch.
Công suất	congSuat	Double		No	Là công suất trạm xử lý nước thải quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm trạm xử lý nước thải quy hoạch.
Công nghệ	congNghe	Character-String	250	No	Là công nghệ được sử dụng cho trạm xử lý nước thải quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

g) Hiện trạng hệ thống nghĩa trang

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongNghiaTrang

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại nghĩa trang: Nghĩa trang/ Nhà tang lễ/ Nhà hỏa tang/ Nghĩa địa/ Đài tưởng niệm.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô nghĩa trang.
Tên	tenTram	Character-String	250	No	Là tên nghĩa trang.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm nghĩa trang.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

h) Quy hoạch hệ thống nghĩa trang

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongNghiaTrang

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại nghĩa trang quy hoạch: Nghĩa trang/ Nhà tang lễ/ Nhà hỏa tang/ Nghĩa địa/ Đài tưởng niệm.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô nghĩa trang quy hoạch.
Tên	tenTram	Character-String	250	No	Là tên nghĩa trang quy hoạch.

Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm nghĩa trang quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

5.4. Khí tượng thủy văn

Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn và quan trắc tài nguyên môi trường

Tên lớp đối tượng: MangLuoiTramKTTVQuanTracTNMT

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại trạm: Khí tượng thủy văn/ Tài nguyên nước/ Môi trường/ Tài nguyên và môi trường biển/ Định vị vệ tinh và địa động lực/ Viễn thám/ Mạng lưới quan trắc tại các mỏ khoáng sản độc hại/ Phòng thí nghiệm.
Tên	tenTram	Character-String	250	No	Là tên trạm.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm trạm.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

5.5. Tài nguyên môi trường biển và hải đảo

a) Hiện trạng tài nguyên môi trường biển và hải đảo

Tên lớp đối tượng: HienTrangTNMTBienHaiDao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Hiện trạng	hienTrang	Character-String	250	No	Là hiện trạng tài nguyên môi trường biển và hải đảo.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch khai thác sử dụng tài nguyên môi trường biển và hải đảo

Tên lớp đối tượng: QuyHoachKhaiThacSuDungTNMTBienHaiDao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Mục đích quy hoạch	mucDichQuyHoach	Character-String	250	No	Là mục đích quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

5.6. Biên đổi khí hậu

a) Đặc điểm khí hậu

Tên lớp đối tượng: DacDiemKhiHau

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Đặc điểm	dacDiem	Character-String	250	No	Là đặc điểm của khí hậu.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Biên đổi khí hậu

Tên lớp đối tượng: BienDoiKhiHau

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Đặc điểm	dacDiem	Character-String	250	No	Là đặc điểm biên đổi khí hậu.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

5.7. Đất đai

a) Hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh

Tên lớp đối tượng: HienTrangSuDungDatCapTinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Mã loại đất	maLoaiDat	Character-String	3	No	Là mã loại đất.

Loại đất	Là tên loại đất	Character-String	250	No	Là tên loại đất.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Hiện trạng sử dụng đất cấp huyện

Tên lớp đối tượng: HienTrangSuDungDatCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Mã loại đất	maLoaiDat	Character-String	3	No	Là mã loại đất.
Mã huyện	maHuyen	Character-String	3	No	Là mã huyện.
Loại đất	Là tên loại đất	Character-String	250	No	Là tên loại đất.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Tên lớp đối tượng: QuyHoachSuDungDatCapTinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Mã mục đích sử dụng theo hiện trạng	mucDichSuDungHT	Character-String	3	No	Là mã mục đích sử dụng theo hiện trạng.
Loại đất hiện trạng	loaiDatHT	Character-String	250	No	Là tên loại đất hiện trạng.
Mã mục đích sử dụng đất quy hoạch	mucDichSuDungQH	Character-String	3	No	Là mã mục đích sử dụng theo quy hoạch.
Loại đất quy hoạch	loaiDatQH	Character-String	250	No	Là tên loại đất quy hoạch.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Tên lớp đối tượng: QuyHoachSuDungDatCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Mã huyện	maHuyen	Character-String	3	No	Là mã huyện.
Mã loại đất hiện trạng	mucDichSuDungHT	Character-String	3	No	Là mã mục đích sử dụng theo hiện trạng.
Loại đất hiện trạng	loaiDatHT	Character-String	250	No	Là tên loại đất hiện trạng.
Mã loại đất quy hoạch	mucDichSuDungQH	Character-String	3	No	Là mã mục đích sử dụng theo quy hoạch.
Loại đất quy hoạch	loaiDatQH	Character-String	250	No	Là tên loại đất quy hoạch.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).

Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.
----------------	-----	------------	--	--	----------------------------------

đ) Chất lượng đất

Tên lớp đối tượng: ChatLuongDat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Chất lượng đất	chatLuongDat	Character-String	250	No	Là phân cấp chất lượng đất.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

e) Thoái hóa đất

Tên lớp đối tượng: ThoaiHoaDat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Thoái hóa đất	thoaiHoaDat	Character-String	250	No	Là phân cấp thoái hóa đất.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

g) Thổ nhưỡng

Tên lớp đối tượng: ThoNhuong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại thổ nhưỡng	loaiThoNhuong	Character-String	20	No	Là trường thông tin thể hiện loại thổ nhưỡng.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

h) Tiềm năng đất

Tên lớp đối tượng: TiemNangDat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tiềm năng đất	tiemNangDat	Character-String	250	No	Là phân cấp tiềm năng đất đai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích (m ²).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

5.8. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

6. Văn hóa thể thao và du lịch

6.1. Văn hóa

a) Hiện trạng mạng lưới cơ sở văn hóa

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiCoSoVanHoa

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng/điểm (GM_Polygon/GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Tên công trình	tenCongTrinh	Character-String	250	No	Là tên của cơ sở văn hóa.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm của cơ sở văn hóa.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô của cơ sở văn hóa.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất của cơ sở văn hóa.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon/GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoiCoSoVanHoa

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng/điểm (GM_Polygon/GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên công trình	tenCongTrinh	Character-String	250	No	Là tên của cơ sở văn hóa quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm của cơ sở văn hóa quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô của cơ sở văn hóa quy hoạch.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất của cơ sở văn hóa quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon/GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

6.2. Thể thao

a) Hiện trạng mạng lưới cơ sở thể thao

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiCoSoTheThao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng/điểm (GM_Polygon/GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên công trình	tenCongTrinh	Character-String	250	No	Là tên của cơ sở thể thao.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm của cơ sở thể thao.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô của cơ sở thể thao.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất của cơ sở thể thao.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon/GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở thể thao

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoiCoSoTheThao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng/điểm (GM_Polygon/GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên công trình	tenCongTrinh	Character-String	250	No	Là tên của cơ sở thể thao quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm của cơ sở thể thao quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô của cơ sở thể thao quy hoạch.

Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất của cơ sở thể thao quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon/GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

6.3. Du lịch

a) Hiện trạng du lịch

Tên lớp đối tượng: HienTrangDuLich

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng/điểm (GM_Polygon/GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên công trình	tenCongTrinh	Character-String	250	No	Là tên của cơ sở du lịch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm của cơ sở du lịch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô của cơ sở du lịch.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất của cơ sở du lịch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon/GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch du lịch

Tên lớp đối tượng: QuyHoachDuLich

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng/điểm (GM_Polygon/GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại quy hoạch du lịch.
Tên dự án	ten DuAn	Character-String	250	No	Tên dự án quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là Quy mô của dự án quy hoạch.
Nguồn	nguồn	Character-String	250	No	Là nguồn tài liệu pháp lý của dự án quy hoạch.
Ghi chú	ghiChu	Character-String	250	No	Là ghi chú.
Tình trạng dự án	tinhTrang	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án quy hoạch.
Tình hình thực hiện	tin-hinhThucHien	Character-String	250	No	Là tình hình thực hiện dự án quy hoạch.
Tính chất dự án	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất dự án quy hoạch.
Tổng vốn đầu tư	tongVon	Double		No	Là tổng vốn đầu tư của dự án quy hoạch.
Nguồn vốn	nguồnVon	Character-String	250	No	Là nguồn vốn của dự án quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polygon/ GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

6.4. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

7. Giao thông vận tải

7.1. Hệ thống giao thông đường bộ

a) Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiGiaoThongDuongBo

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại đường	loaiDuong	Real		No	Là loại đường bộ 1 = Quốc lộ 2 = Đường tỉnh 3 = Đường huyện
Tên đường	tenDuong	Character-String	250	Yes	Là tên đường bộ.
Cấp kỹ thuật	capKyThuat	CharacterSting	7	No	Là cấp kỹ thuật của đường bộ của đường bộ: Cao tốc/ Cấp I/ Cấp II/ Cấp III/ Cấp IV
Chiều dài (Km)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của tuyến đường bộ (Km).
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoigiaoThongDuongBo

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Loại đường	loaiDuong	Real		No	Là loại đường bộ 1 = Quốc lộ 2 = Đường tỉnh 3 = Đường huyện
Tên đường	tenDuong	Character-String	250	Yes	Là tên đường bộ quy hoạch.
Cấp kỹ thuật	capKyThuat	CharacterSting	7	No	Là cấp kỹ thuật của đường bộ của

					đường bộ: Cao tốc/ Cấp I/ Cấp II/ Cấp III/ Cấp IV
Chiều dài (Km)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của tuyến đường bộ quy hoạch (Km).
Giai đoạn quy hoạch	giai- Do- anQuyHoach	Character- String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Pol- yline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng hệ thống bến xe

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongBenXe

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character- String	250	No	Là tên bến xe.
Địa điểm	diaDiem	Character- String	250	No	Là địa điểm bến xe.
Cấp hạng	capHang	Character- String	250	No	Là cấp hạng bến xe.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô bến xe.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch hệ thống bến xe

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongBenXe

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên bên xe quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm bên xe quy hoạch.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất bên xe quy hoạch.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng bên xe quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô bên xe quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

7.2. Hệ thống giao thông đường sắt

a) Hiện trạng mạng lưới giao thông đường sắt

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiGiaoThongDuongSat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	Yes	Là tên tuyến đường sắt.
Chiều dài (Km)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của tuyến đường sắt (Km).
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tuyến đường sắt: đường sắt đôi/đơn/lòng.
Khổ đường	khoDuong	Character-String	250	No	Là khổ đường sắt.

Chức năng	chucNang	Character-String	250	No	Là chức năng đường sắt: Quốc gia, đô thị, chuyên dụng.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới giao thông đường sắt

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoiGiaoThongDuongSat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	Yes	Là tên tuyến đường sắt quy hoạch.
Chiều dài (Km)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của tuyến đường sắt quy hoạch (Km).
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tuyến đường sắt quy hoạch: đường sắt đôi/đơn/lồng.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng đường sắt quy hoạch.
Khổ đường	khoDuong	Character-String	250	No	Là khổ đường sắt quy hoạch.
Chức năng	chucNang	Character-String	250	No	Là chức năng đường sắt: Quốc gia, đô thị, chuyên dụng.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng hệ thống nhà ga đường sắt

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongNhaGaDuongSat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên ga đường sắt.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm ga đường sắt.
Cấp hạng	capHang	Character-String	2	No	Là cấp hạng ga đường sắt.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô ga đường sắt.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Quy hoạch hệ thống nhà ga đường sắt

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongNhaGaDuongSat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên ga đường sắt quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm ga đường sắt quy hoạch.
Cấp hạng	capHang	Character-String	2	No	Là cấp hạng ga đường sắt quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô ga đường sắt quy hoạch.

Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

7.3. Hệ thống giao thông đường thủy

a) Hiện trạng hệ thống đường thủy nội địa

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongDuongThuyNoiDia

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	Yes	Là tên tuyến đường thủy nội địa.
Chiều dài (Km)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của tuyến đường thủy nội địa (Km).
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tuyến đường thủy nội địa: Quốc gia/ Địa phương/ Chuyên dùng.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống đường thủy nội địa

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongDuongThuyNoiDia

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	No	Là tên tuyến đường thủy nội địa quy hoạch.
Chiều dài (Km)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của tuyến đường thủy nội địa quy hoạch (Km).
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tuyến đường thủy nội địa: Quốc gia/ Địa phương/ Chuyên dùng.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Hiện trạng hệ thống cảng đường thủy nội địa

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongCangDuongThuyNoiDia

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cảng đường thủy nội địa.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cảng đường thủy nội địa.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cảng đường thủy nội địa: Công cộng/ chuyên dùng.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng cảng đường thủy nội địa.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cảng đường thủy nội địa.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

d) Quy hoạch hệ thống cảng đường thủy nội địa

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongCangDuongThuyNoiDia

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cảng đường thủy nội địa quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cảng đường thủy nội địa quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cảng đường thủy nội địa quy hoạch: Công cộng/ chuyên dùng.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng cảng đường thủy nội địa quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cảng đường thủy nội địa quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

đ) Hiện trạng hệ thống tuyến đường hàng hải

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongTuyenDuongHangHai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	Yes	Là tên tuyến đường hàng hải.
Chiều dài (Km)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của tuyến đường hàng hải (Km).
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tuyến đường hàng hải: Tuyến hàng hải thương mại/ Tuyến hàng hải quân sự.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

e) Quy hoạch hệ thống tuyến đường hàng hải

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongTuyenDuongHangHai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên tuyến	tenTuyen	Character-String	250	No	Là tên tuyến đường hàng hải quy hoạch.
Chiều dài (Km)	chieuDai	Double		No	Là chiều dài của tuyến đường hàng hải quy hoạch (Km).
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tuyến đường hàng hải quy hoạch: Tuyến hàng hải thương mại/ Tuyến hàng hải quân sự.

Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Polyline			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

g) Hiện trạng hệ thống cảng biển

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongCangBien

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cảng biển.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cảng biển.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cảng biển: Loại I/ Loại II/ Loại III.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng cảng biển.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cảng biển.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

h) Quy hoạch hệ thống cảng biển

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongCangBien

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cảng biển quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cảng biển quy hoạch.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất cảng biển quy hoạch.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng cảng biển quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cảng biển quy hoạch: Loại I/ Loại II/ Loại III
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cảng biển quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

7.4. Hệ thống cảng hàng không

a) Hiện trạng hệ thống cảng hàng không

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongCangHangKhong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cảng hàng không.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cảng hàng không.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng cảng hàng không.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cảng hàng không: cảng hàng không quốc tế/ cảng hàng

					không nội địa/ sân bay chuyên dụng.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cảng hàng không.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống cảng hàng không

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongCangHangKhong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cảng hàng không quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cảng hàng không quy hoạch.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng cảng hàng không quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cảng hàng không quy hoạch: cảng hàng không quốc tế/ cảng hàng không nội địa/ sân bay chuyên dụng.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cảng hàng không quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

7.5. Hệ thống logistics

a) Hiện trạng hệ thống trung tâm logistic

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongTrungTamLogistic

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên trung tâm logistic.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm trung tâm logistic.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng trung tâm logistic.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô trung tâm logistic.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống trung tâm logistic

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongTrungTamLogistic

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên trung tâm logistic quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm trung tâm logistic quy hoạch.

Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất trung tâm logistic quy hoạch.
Cấp hạng	capHang	Character-String	250	No	Là cấp hạng trung tâm logistic quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô trung tâm logistic quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

7.6. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.

Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

8. Thông tin và truyền thông

8.1. Cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử

a) Hiện trạng cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử

Tên lớp đối tượng: HienTrangCoSoBaoChiXuatBanPhatThanhTruyenHinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử

Tên lớp đối tượng: QuyHoachCoSoBaoChiXuatBanPhatThanhTruyenHinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử quy hoạch
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử quy hoạch.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình thông tin điện tử quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

8.2. Hạ tầng thông tin và truyền thông

a) Hiện trạng hạ tầng thông tin và truyền thông

Tên lớp đối tượng: HienTrangHaTangThongTinTruyenThong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên hạ tầng thông tin và truyền thông.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm hạ tầng thông tin và truyền thông.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất hạ tầng thông tin và truyền thông.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hạ tầng thông tin và truyền thông.
Đơn vị quản lý	donViQuanLy	Character-String	250	No	Là đơn vị quản lý
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHaTangThongTinTruyenThong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên hạ tầng thông tin và truyền thông quy hoạch
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm hạ tầng thông tin và truyền thông quy hoạch.

Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất hạ tầng thông tin và truyền thông quy hoạch.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hạ tầng thông tin và truyền thông quy hoạch.
Đơn vị quản lý	donViQuanLy	Character-String	250	No	Là đơn vị quản lý.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

8.3. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.

Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.
----------------	-----	----------	--	--	----------------------------------

9. Khoa học và Công nghệ

a) Hiện trạng mạng lưới cơ sở khoa học công nghệ

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiCoSoKHCN

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở khoa học công nghệ.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở khoa học công nghệ.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tổ chức khoa học công nghệ: Viện nghiên cứu/ Cơ sở thực nghiệm.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở khoa học công nghệ.
Năm thành lập	namThanhLap	Character-String	250	No	Là năm thành lập cơ sở khoa học công nghệ.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất cơ sở khoa học công nghệ.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở khoa học công nghệ

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoiCoSoKHCN

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở khoa học công nghệ quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở khoa học công nghệ quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại tổ chức khoa học công nghệ: Viện nghiên cứu/ Cơ sở thực nghiệm.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở khoa học công nghệ quy hoạch.
Năm thành lập	namThanhLap	Character-String	250	No	Là năm thành lập cơ sở khoa học công nghệ.
Tính chất	tinhChat	Character-String	250	No	Là tính chất cơ sở khoa học công nghệ.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

10. Y tế

a) Hiện trạng mạng lưới cơ sở y tế

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiCoSoYte

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở y tế.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở y tế.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở y tế: Bệnh viện/ Trung tâm điều dưỡng/ Trung tâm

					y tế/ Trạm y tế/ Phòng khám.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở y tế.
Loại hình	loaiHinh	Character-String	250	No	Là loại hình cơ sở y tế.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuiCoSoYTe

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở y tế quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở y tế quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở y tế quy hoạch: Bệnh viện/ Trung tâm điều dưỡng/ Trung tâm y tế/ Trạm y tế/ Phòng khám.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở y tế quy hoạch.
Loại hình	loaiHinh	Character-String	250	No	Là loại hình cơ sở y tế.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

11. Giáo dục và Đào tạo

a) Hiện trạng mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiCoSoGiaoDucDaoTao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở giáo dục và đào tạo.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở giáo dục và đào tạo.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở giáo dục và đào tạo: Đại học/ Cao đẳng/ Trường dạy nghề/ Trường phổ thông có nhiều cấp học/ Trường trung học cơ sở/ Trường trung học phổ thông/ Trung tâm giáo dục thường xuyên/ Trường dân tộc nội trú/ Trường giáo dưỡng/ Trường phổ thông năng khiếu.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở giáo dục và đào tạo.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoicoSoGiaoDucDaoTao

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở giáo dục và đào tạo quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở giáo dục và đào tạo quy hoạch.

Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở giáo dục và đào tạo quy hoạch: Đại học/ Cao đẳng/ Trường dạy nghề/ Trường phổ thông có nhiều cấp học/ Trường trung học cơ sở/ Trường trung học phổ thông/ Trung tâm giáo dục thường xuyên/ Trường dân tộc nội trú/ Trường giáo dưỡng/ Trường phổ thông năng khiếu.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở giáo dục và đào tạo quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

c) Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.

Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

12. Lao động, thương binh và xã hội

12.1. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Hiện trạng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoiCoSoGiaoDucNgheNghiep

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Cao đẳng/ Trung cấp/ Trung tâm GDNN.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoicoSoGiaoDucNgheNghiep

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy hoạch: Cao đẳng/ Trung cấp/ Trung tâm GDNN.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

12.2. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

a) Hiện trạng mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

Tên lớp đối tượng: HienTrangMangLuoicoSoTroGiupXaHoi

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở trợ giúp xã hội.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở trợ giúp xã hội.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở trợ giúp xã hội: Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi/ Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt/ Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật/ Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí/ Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp/ Cơ sở cai nghiện ma túy.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở trợ giúp xã hội.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

Tên lớp đối tượng: QuyHoachMangLuoiCoSoTroGiupXaHoi

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở trợ giúp xã hội quy hoạch.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở trợ giúp xã hội quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở trợ giúp xã hội quy hoạch: Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi/ Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt/ Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật/ Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí/ Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp/ Cơ sở cai nghiện ma túy.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở trợ giúp xã hội quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

12.3. Hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng

a) Hiện trạng hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng

Tên lớp đối tượng: HienTrangCSXHNuoiDuongDieuDuongNguoiCoCong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng: Mô hình điều dưỡng người có công/ Mô hình nuôi dưỡng kết hợp điều dưỡng người có công/ Mô hình điều dưỡng kết hợp nuôi dưỡng người có công và nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội/ Mô hình điều dưỡng người có công và nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội/ Mô hình nuôi dưỡng người có công/ Mô hình nuôi dưỡng người có công và nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người

					có công với cách mạng.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng

Tên lớp đối tượng: QuyHoachCSXHNuoiDuongDieuDuongNguoiCoCong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miễn giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng quy hoạch
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng quy hoạch.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng quy hoạch: Mô hình điều dưỡng người có công/ Mô hình nuôi dưỡng kết hợp điều dưỡng người có công/ Mô hình điều dưỡng kết hợp nuôi dưỡng người có công và nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội/ Mô hình điều dưỡng người có công và

					nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội/ Mô hình nuôi dưỡng người có công/ Mô hình nuôi dưỡng người có công và nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

12.4. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.

Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

13. Quốc phòng và an ninh

13.1. Hệ thống cơ sở quốc phòng

a) Hiện trạng hệ thống cơ sở quốc phòng

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongCoSoQuocPhong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống cơ sở quốc phòng

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongCoSoQuocPhong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.

Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

13.2. Hệ thống cơ sở an ninh

a) Hiện trạng hệ thống cơ sở an ninh

Tên lớp đối tượng: HienTrangHeThongCoSoAnNinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hệ thống cơ sở an ninh

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHeThongCoSoAnNinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Giai đoạn quy hoạch	giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

13.3. Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

a) Hiện trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Tên lớp đối tượng: HienTrangHaTangPhongChayChuaChay

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên	ten	Character-String	250	No	Là tên hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.
Địa điểm	diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại hạ tầng phòng cháy và chữa cháy: Trụ sở doanh trại/ Công trình phục vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ/ Nhóm hàng phục vụ an ninh, quốc phòng, bảo vệ biên giới biển, đảo và động viên công nghiệp.
Quy mô	quyMo	Double		No	Là quy mô hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

b) Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Tên lớp đối tượng: QuyHoachHaTangPhongChayChuaChay

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã tượng	doi	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên		ten	Character-String	250	No	Là tên hạ tầng phòng cháy và chữa cháy quy hoạch.
Địa điểm		diaDiem	Character-String	250	No	Là địa điểm hạ tầng phòng cháy và chữa cháy quy hoạch.
Phân loại		phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại hạ tầng phòng cháy và chữa cháy quy hoạch: Trụ sở doanh trại/ Công trình phục vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ/ Nhóm hàng phục vụ an ninh, quốc phòng, bảo vệ biên giới biển, đảo và động viên công nghiệp.
Quy mô		quyMo	Double		No	Là quy mô hạ tầng phòng cháy và chữa cháy quy hoạch.
Giai đoạn quy hoạch		giai-Do-anQuyHoach	Character-String	250	No	Là giai đoạn quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa		geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

13.4. Tổng hợp dự án

Dự án đang triển khai

Tên lớp đối tượng: DuAnDangTrienKhai

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				

Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Phân loại	phanLoai	Character-String	250	No	Là phân loại dự án đang triển khai.
Tên dự án	ten	Character-String	250	No	Là tên dự án đang triển khai.
Diện tích (m ²)	dienTich	Double		No	Là diện tích dự án đang triển khai (m ²).
Chủ quản lý	chuQuanLy	Character-String	250	No	Là chủ quản lý dự án đang triển khai.
Vốn đầu tư	vonDauTu	Double		No	Là vốn đầu tư của dự án đang triển khai.
Địa điểm dự án	diaDiem-DuAn	Character-String	250	No	Là địa điểm của dự án đang triển khai.
Thời hạn dự án	thoiHanDuAn	Character-String	250	No	Là thời hạn của dự án đang triển khai.
Tình trạng triển khai	tinhTrang-TrienKhai	Character-String	250	No	Là tình trạng dự án đang triển khai.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.

14. Ngoại giao

Hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền

Tên lớp đối tượng: HeThongCuaKhauBienGioiDatLien

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Bảng kiểu thông tin dữ liệu:

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Miền giá trị của trường TT (Null)	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin				
Mã đối tượng	doiTuongID	ID		No	Là khóa chính.
Tên cửa khẩu	tenCuaKhau	Character-String	250	No	Là tên cửa khẩu.
Loại cửa khẩu	loaiCuaKhau	Character-String	250	No	Là loại cửa khẩu.
Địa chỉ	diaChi	Character-String	250	No	Là địa chỉ cửa khẩu.

Quốc gia tiếp giáp	quocGiaTiepGiap	Character-String	250	No	Là quốc gia tiếp giáp.
Dữ liệu đồ họa	geo	GM_Point			Là dữ liệu đồ họa của đối tượng.



Phụ Lục 2
KHUNG CƠ SỞ DỮ LIỆU HỒ SƠ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH
(Kèm theo văn bản số 5746.../BKHĐT-QLQH ngày 30..tháng 8 năm 2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Các loại hồ sơ quy hoạch

STT	Tên hồ sơ	Định dạng
1	Văn bản	PDF
1.1	Tờ trình	
1.2	Dự thảo văn bản quyết định	
1.3	Quyết định phê duyệt quy hoạch	
2	Báo cáo	PDF
2.1	Báo cáo quy hoạch	
2.2	Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch	
2.3	Bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan	
2.4	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch	
2.5	Báo cáo thẩm định	
2.6	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định	
2.7	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	
3	Bản đồ	PDF, GeoTIFF
4	Tài liệu khác	PDF

2. Các loại bản đồ trong cơ sở dữ liệu hồ sơ

STT	Tên bản đồ	Định dạng
1	Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh	PDF, GeoTIFF
2	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	PDF, GeoTIFF
2.1	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên	
2.2	Bản đồ hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội	
2.3	Bản đồ hiện trạng phát triển khu công nghiệp	
2.4	Bản đồ hiện trạng phát triển cụm công nghiệp	
2.5	Bản đồ hiện trạng phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	
2.6	Bản đồ hiện trạng phát triển dịch vụ	
2.7	Bản đồ hiện trạng phát triển du lịch	
2.8	Bản đồ hiện trạng phát triển văn hóa, thể thao	

2.9	Bản đồ hiện trạng phát triển giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp	
2.10	Bản đồ hiện trạng phát triển y tế	
2.11	Bản đồ hiện trạng phát triển an sinh xã hội	
2.12	Bản đồ hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động	
2.13	Bản đồ hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	
2.14	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải	
2.15	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi	
2.16	Bản đồ hiện trạng phát triển hệ thống cấp nước sinh hoạt và xử lý nước thải	
2.17	Bản đồ hiện trạng phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh	
2.18	Bản đồ hiện trạng phát triển thông tin và truyền thông tỉnh	
2.19	Bản đồ hiện trạng môi trường, thiên nhiên và đa dạng sinh học	
2.20	Bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	
2.21	Bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước	
2.22	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	
2.23	Bản đồ hiện trạng phát triển khoa học và công nghệ	
2.24	Bản đồ hiện trạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích	
3	Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	PDF, GeoTIFF
4	Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	PDF, GeoTIFF
5	Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	PDF, GeoTIFF
6	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	PDF, GeoTIFF
6.1	Bản đồ phương án phát triển dịch vụ	
6.2	Bản đồ phương án phát triển du lịch	
6.3	Bản đồ phương án phát triển văn hóa, thể thao	
6.4	Bản đồ phương án phát triển giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	
6.5	Bản đồ phương án phát triển y tế	
6.6	Bản đồ phương án phát triển an sinh xã hội	
6.7	Bản đồ phương án phát triển khoa học và công nghệ	

6.8.	Bản đồ phương án phát triển khu công nghiệp	
6.9	Bản đồ phương án phát triển cụm công nghiệp	
7	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	PDF, GeoTIFF
7.1	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải	
7.2	Bản đồ phương án phát triển hệ thống cấp nước sinh hoạt và xử lý nước thải	
7.3	Bản đồ phương án phát triển mạng lưới cấp điện	
7.4	Bản đồ phương án phát triển thông tin và truyền thông	
7.5	Bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động	
7.6	Bản đồ phương án thoát nước xử lý chất thải rắn và nghĩa trang	
8	Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất	PDF, GeoTIFF
9	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	PDF, GeoTIFF
9.1	Bản đồ phương án thăm dò khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	
9.2	Bản đồ phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước	
10	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	PDF, GeoTIFF
10.1	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, thiên nhiên và đa dạng sinh học	
10.2	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai, thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu	
11	Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng huyện	PDF, GeoTIFF
12	Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện	PDF, GeoTIFF
13	Bản đồ chuyên đề	PDF, GeoTIFF



Phụ Lục 3

CÁCH ĐẶT TÊN DỮ LIỆU, LỚP DỮ LIỆU TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH TỈNH

(Kèm theo văn bản số 5746.../BKHĐT-QLQH ngày 30..tháng 8 năm 2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

[Tên tỉnh]	Khu vực (Tên tỉnh, thành phố)	Ký hiệu (Viết liền, chữ cái đầu viết hoa)
Ví dụ: HaNoi.gdb	Thành phố Hà Nội	HaNoi
	Loại dữ liệu	Ký hiệu
	Kinh tế - Xã hội	KinhTeXaHoi
	Xây Dựng	XayDung
	Công Thương	CongThuong
	Nông nghiệp	NongNghiep
	Tài nguyên và Môi trường	TaiNguyenMoiTruong
	Văn hóa thể thao và Du lịch	VanHoaTheThaoDuLich
	Giao thông vận tải	GiaoThongVanTai
	Thông tin và Truyền thông	ThongTinTruyenThong
	Khoa học và Công nghệ	KhoaHocCongNghe
	Y tế	YTe
	Giáo dục và Đào tạo	GiaoDucDaoTao
	Lao động, thương binh và Xã hội	LaoDongThuongBinhXaHoi
	Quốc phòng và An ninh	QuocPhongAnNinh
	Ngoại giao	NgoaiGiao
[Tên nhóm dữ liệu]: chữ cái đầu viết hoa	Kiểu thực thể	Ký hiệu
Ví dụ: HeThongDoThi_Diem DanCuNongThon	Area	A
[Tên lớp đối tượng][Kiểu hình học]	Point	P
Ví dụ: HienTrang- DoThiNongThon_P	Line	L